

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04289** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0128	Trần Ngọc Tường Duy	02/01/2006			8	7	8.5	6	5				0.0	0.0	2.7
2	21BTBV0129	Phạm Hoài Đức	20/05/2001			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006			9	9	8.5	8	10				6.0		7.2
4	21BTBV0131	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006			9	9	10	9.5	10				7.4		8.3
6	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006			8	7	6.5	5.5	9				5.0		5.9
7	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999			9	9	8.5	9.5	10				7.2		8.0
8	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006			9	8	5	3	7				6.4		6.2
9	21BTBV0136	Huỳnh Thị Diễm My	31/10/2006			7	7	10	9.5	5				0.0	0.0	3.2
10	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002			6	8	7	9.5	9				7.2		7.6
11	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003			9	8	9	8	10				5.4		6.8
12	21BTBV0139	Lê Thị Mỹ Nguyên	15/01/2006			7	7	7	7	5				0.0	0.0	2.6
13	21BTBV0140	Huỳnh Tốt Nhiều	30/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006			9	9	7	4	8.5				6.4		6.7
15	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006			8	7	8.5	8.5	8				6.6		7.2
16	21BTBV0143	Võ Thị Mỹ Tiên	19/09/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
17	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995			8	9	6.5	9.5	10				5.2		6.6
18	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004			9	9	8.5	8.5	7.5				5.6		6.7
19	21BTBV0146	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	11/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
20	21BTBV0147	Huỳnh Đông Vĩ	28/02/2006			9	7	9.5	9.5	5				0.0	0.0	3.2
21	21BTBV0148	Hồ Thị Như Ý	05/01/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005			9	9	8.5	8	10				7.4		8.0
23	21BTBV0336	Nguyễn Triệu Phú	29/12/2003			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
24	21BTBV0586	Chau Sóc Cươl	10/04/2003			8	9	5	4.5	10				5.0		5.8

Châu Đốc, ngày 25 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh